

CHƯƠNG 1: CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ

CHỦ ĐỀ 1: OXIT

A. LÝ THUYẾT

I. Tính chất hóa học của oxit bazơ

1.



ĐK: oxit bazơ của 5 kim loại mạnh: Na_2O , K_2O , BaO , CaO , Li_2O)

2.



Axit: HCl , H_2SO_4 , H_3PO_4

3.



(ĐK: oxit bazơ của 5 kim loại mạnh: Na_2O , K_2O , BaO , CaO , Li_2O)

Oxit axit: CO_2 , SO_2 , SO_3 , N_2O_5 , P_2O_5)

II. Tính chất hóa học của oxit axit

1.



(ĐK: Oxit axit: CO_2 , SO_2 , SO_3 , N_2O_5 , P_2O_5)

2.



(ĐK: Bazơ tan của 5 kim loại mạnh: NaOH , KOH , Ba(OH)_2 , Ca(OH)_2 , LiOH)

3.



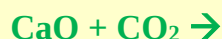
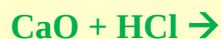
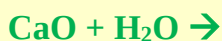
(ĐK: Oxit bazơ của 5 kim loại mạnh: Na_2O , K_2O , BaO , CaO , Li_2O)

Oxit axit: CO_2 , SO_2 , SO_3 , N_2O_5 , P_2O_5)

III. Phân loại oxide

IV. Tính chất của Canxi oxit CaO

1) Tính chất hóa học:

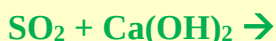


2) Điều chế CaO

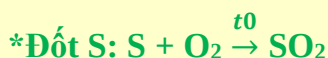


V. Tính chất của lưu huỳnh đioxit

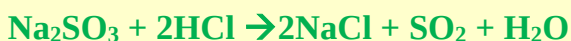
1) Tính chất hóa học:



2) Điều chế SO_2



* Muối sunfit (Na_2SO_3 , BaSO_3 ..) + Axit (HCl , H_2SO_4)



*Lưu ý:

+ Oxit lưỡng tính: Al_2O_3 , ZnO ..

Tan trong dung dịch bazơ



Natri aluminat



Natri zincat

+ Oxit trung tính: CO , NO không tác dụng axit và bazơ.

Có 4 loại oxide:

+ **Basic oxide:** Na_2O , CuO ..

+ **Acidic oxide:** SO_3 , CO_2

+ **Acidic trung tính:** H_2CO_3

+ **Oxide lưỡng tính:** H_2CO_3